

Số: 04 /2022/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức cấp xã làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 211/TTr-SNV ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 322/BC-STP ngày 21 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức cấp xã làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, vùng dân tộc

thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Việc xác định các xã miền núi, vùng cao, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công chức cấp xã làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức cấp xã làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

1. Công chức cấp xã làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thực hiện việc quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách, tinh giản biên chế theo quy định.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

“2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức Văn phòng - thống kê; Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Văn hóa - xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (không bao gồm công chức cấp xã làm việc tại các xã miền núi, vùng cao, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn). Trường hợp tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản này được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền”.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Bộ Nội vụ (b/cáo);
- Vụ CQĐP, Vụ pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: HCQT, CBTH;
- Lưu: VT, NCvi62.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

